Bài 33 KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)

1. a) Chọn **phần nguyên** của mỗi số thập phân (theo mẫu)

85 , 72 ; 91 , 25 ; 8 , 50 ; 365 , 9 ; 0 , 87

b) Chọn **phần thập phân** của mỗi số thập phân sau (theo mẫu)

2 , 56 ; 8 , 125 ; 69 , 05 ; 0 , 07 ; 0 , 001

2. Chọn vị trí đặt dấu phẩy để có số thập phân với **phần nguyên gồm 3 chữ số**

5 9 7 2 6 0 5 0 8

2 0 0 7 5 2 0 0 1

3. Viết hỗn số thành số thập phân (theo mẫu) :

a) $3\frac{1}{10} = 3,1$; $8\frac{2}{10} =$ ..... ; $61\frac{9}{10} =$ .....

b) $5\frac{72}{100} =$ ..... ; $19\frac{25}{100} =$ ..... ; $80\frac{5}{100} =$ .....

c) $2\frac{625}{1000} =$ ..... ; $88\frac{207}{1000} =$ ..... ; $70\frac{65}{1000} =$ .....

d) $4\frac{33}{10000} =$ .....; $27\frac{103}{10000} =$ .....; $6\frac{3}{10000} =$ .....

e) $7\frac{283}{1000} =$ .....; $91\frac{88}{100} =$ .....; $231\frac{9}{1000} =$ .....

4. Chuyển số thập phân thành phân số thập phân :

a) 0,5 = ——— ; 0,92 = ——— ; 0,075 = ———

b) 0,4 = ——— ; 0,04 = ——— ; 0,004 = ———

c) 0,0023 = ——— ; 0,209 = ——— ; 0,010 = ———

LIVEWORKSHEETS